Tác Giả: Chu Đ□u
Thứ Ba, 20 Tháng 9 Năm 2011 05:54

Ngôn ng□ thay đ□i theo th□i gian, theo sinh ho□t xã h□i . M□i ngày, t□ nh□ng đ□i m□i c□a đ□i s□ng, t□ nh□ng □nh h□□ng c□a văn minh ngo□i qu□c mà ngôn ng□ d□n d□n chuy□n bi□n

□ trong n□□c, hi□n t□□ng dùng ch□ nghĩa k□ c□c do CS B□c Vi□t du nh□p vào mi□n Nam , lai căng v□i nhi□u t□ ng□ m□i ch□ r□t ngô nghê và xa l□ đ□i v□i ph□n đông dân chúng. V□i ch□ tr□□ng nôm na hóa ngôn ng□ Vi□t, t□p đoàn CS n□m quy□n đã l□m d□ng t□ thu□n Vi□t quá m□c tr□ thành thô t□c (nh□: "x□□ng đ□" dùng cho "nhà b□o sanh", "nhà □a" dùng cho "nhà v□ sinh", hay "lính th□y đánh b□" dùng cho "th□y quân l□c chi□n" v. v... , và đ□t ra nhi□u t□ sai h□n v□i nguyên nghĩa.

Ngôn ng□ thay đ□i theo th□i gian, theo sinh ho□t xã h□i . M□i ngày, t□ nh□ng đ□i m□i c□a đ□i s□ng, t□ nh□ng □nh h□□ng c□a văn minh ngo□i qu□c mà ngôn ng□ d□n d□n chuy□n bi□n. Nh□ng ch□ m□i đ□□c t□o ra, nh□ng ch□ g□n li□n v□i hoàn c□nh sinh ho□t x□a cũ đã quá th□i, d□n d□n bi□n m□t. C□ đ□c l□i nh□ng áng văn th□ cách đây ch□ng năm m□□i năm tr□ l□i, ta th□y nhi□u cách nói, nhi□u ch□ khá xa l□, vì không còn đ□□c dùng hàng ngày Nh□ng thay đ□i này th□□ng làm cho ngôn ng□ tr□ nên sinh đ□ng h□n, giàu có h□n, tuy nhiên, trong ti□ng Vi□t kho□ng m□y ch□c năm g□n đây đã có nh□ng thay đ□i r□t kém c□i Ban đ□u nh□ng thay đ□i này chi gi□i h□n trong ph□m vi B□c vĩ tuy□n 17, nh□ng t□ sau ngày c□ng s□n toàn chi□m Vi□t Nam, 30 tháng 4 năm 1975, nó đã xâm nh□p vào ngôn ng□ mi□n Nam.

R□i, đau đ□n thay, l□i ti□p t□c xâm nh□p vào ti□ng Vi□t c□a ng□□i Vi□t □ h□i ngo□i Ng□□i ta thu□n theo các thay đ□i x□u □y m□t cách l□ng l□, không suy nghĩ, r□i t□ đó nó tr□ thành m□t ph□n c□a ti□ng Vi□t hôm nay N□u nh□ng thay đ□i □y hay và t□t thì là đi□u đáng m□ng; Nh□ng than ôi, h□u h□t nh□ng thay đ□i □y là nh□ng thay đ□i x□u, đã không làm gi□u cho ngôn ng□ dân t□c mà còn làm ti□ng n□□c ta tr□ nên t□i tăm.

Th□ nh□ng d□a vào đâu mà nói đó là nh□ng thay đ□i x□u ? N□u s□ thay đ□i đ□a l□i m□t ch□ Hán Vi□t đ□ thay th□ m□t ch□ Hán Vi□t đã quen dùng, thì đây là m□t thay đ□i x□u, n□u dùng m□t ch□ Hán Vi□t đ□ thay m□t ch□ Vi□t thì l□i càng x□u h□n. B□i vì nó s□ làm cho câu nói t□i đi Ng□□i Vi□t v□n d□ nh□n hi□u ti□ng Vi□t h□n là ti□ng Hán Vi□t. Nh□t là nh□ng ti□ng Hán Vi□t này đ□□c mang vào ti□ng Vi□t ch□ vì ng□□i T□u □ Trung Hoa bây gi□ đang dùng ch□ □y N□u s□ thay đ□i đ□ đ□a vào ti□ng Vi□t m□t ch□ dùng sai nghĩa, thì đây là m□t s□ thay đ□i x□u vô cùng.

Sau đây, chúng tôi xin ghi l□i m□t s□ t□ ng□ (đ□□c t□m x□p theo v□n abc) mà ch□ đ□ CSVN ép dân chúng dùng, đ□c lên, nói lên sai v□i nguyên nghĩa, nghe thô t□c, k□ l□ và □nh h□□ng Tây ph□□ng r□t n□ng, khó có th□ ch□p nh□n:

1. "Bu□i đêm". 'Bu□i đêm tôi có g□p đ□ng chí □□ T□ x□a đ□n nay ng□□i Vi□t không bao gi□ nói "bu□i đêm" c□, ch□ nói "ban đêm", "ban ngày". "Ban" đ□□c hi□u nh□ là m□t th□i gian kho□ng 12 gi□, ban đêm 12 gi□ c□ng v□i ban ngày 12 gi□ là 24 gi□.
Còn "bu□i" thì chúng ta có "bu□i sáng", "bu□i tr□a", "bu□i chi□u", "bu□i t□i". Ban ngày có 12 gi□ và t□m coi nh□ có 4 bu□i, nh□ v□y m□i bu□i có 3 gi□ đ□ng h□ Night time, day time khác v□i morning; noon; afternoon; evening. Chúng ta th□□ng nói: 'Ch□ ông □y m□t c□ bu□i. Bu□i □ đây là kho□ng ba gi□. Câu nói khác: 'Th□ là m□t m□t bu□i cày. Bu□i □ đây l□i có nghĩa m□t c□ m□t ngày công. Ch□ ra t□ bu□i đêm là làm h□ng ti□ng Vi□t.

2. "C□i t□o" = transform, improve; re-education. H□ không phân bi□t "c□i t□o v□t ch□t" v□i "c□i t□o t□ t□□ng", quan ni□m chính tri. Nói : 'Ph□i dùng cát đ□ c□i t□o đ□t', khác v□i 'Trung úy mi□n Nam b□ đi tù c□i t□o. N□u mu□n ch□a cho đ□t có màu m□ h□n nên dùng "c□i ti□n", "c□i thi□n"... Kho□ng 50 năm nay t□ "c□i t□o" c□ n□□c đã hi□u là □ tù r□i!

3. "C□m giác". 'Xin anh cho bi□t c□m giác ra sao v□ hi□n t□□ng đo nh□ng gì c□m th□y đ□□c đ□□c b□ng giác quan. Có ngũ giác: xúc giác: s□ ch□m, th□ giác: m□t th□y, thính giác: tai nghe; v□ giác: l□□i n□m, kh□u giác: mũi ng□i. Đó là các sense organs, còn c□m giác và c□m t□□ng; c□m tính (feeling, khác v□i lý tính) d□ l□m l□n vì đó là sensation, impression. Dùng đúng ch□ ph□i là: 'Xin anh cho bi□t c□m nghĩ, c□m t□□ng, v□ hi□n t□□ng đo chính xác h□n là "c□m giác". (Ngoài ra impression còn có nghĩa là □n t□□ng, d□u □n). Chúng ta có th□ nói : có c□m giác ghê s□, nh□m t□m, l□t l□o, □m cúng.. m□t giác xu□t phát t□ não b□, tuy cũng do t□ năm giác quan v□a k□ g□i tín hi□u lên óc.

4. "C□u lông" = Badmington = M□t môn th□ thao nh□ nhàng g□n gi□ng qu□n v□t, có giăng l□□i cao, dùng v□t nh□ và qu□ c□u có g□n lông vũ, đánh qua l□i trên l□□i. Trên th□c t□ qu□ c□u

badmington làm gi□ b□ng nh□a không ch□ b□ng lông gà lông v□t n□a. Cách g□i này thô t□c quá! T□i sao không g□i là c□u lông vũ ho□c bát-minh-t□n? Ng□□i vi□t còn nh□ có l□n đã b□ bà v□ m□t đ□i tá s□a l□ng, khi l□ mi□ng nói: lông qu□ đào. Bà k□ l□i, tôi b□ bà Trg. Tg. Khg. m□t ng□□i mi□n B□c ch□a khéo: 'Ch□ nên g□i là tuy□t c□a qu□ đào thì l□ch s□, thanh tao h□n'. Sau đây là cách dùng sai l□c, nh□m ch□ đích tuyên truy□n ho□c làm gi□m đi ho□c tăng m□c quan tr□ng c□a s□ vi□c.

5. "Ch□t l□□ng": Đây là ch□ đang đ□□c dùng đ□ ch□ tính ch□t c□a m□t s□n ph□m, m□t d□ch vu. Ng□□i ta dùng ch□ này đ□ d□ch ch□ quality c□a ti□ng Anh. Nh□ng than ôi! L□□ng không ph□i là ph□m tính, không ph□i là quality. L□□ng là s□ nhi□u ít, là quantity. Theo Hán Vi□t T□ Đi□n c□a Thi□u Ch□u, thì l□□ng là: đ□ đong, các cái nh□ cái đ□u, cái h□c dùng đ□ đong đ□u g□i là l□□ng c□. V□y t□i sao ng□□i ta l□i c□ nh□m m□t nh□m mũi dùng m□t ch□ sai và d□ nh□ th□. Không có gì b□c mình h□n khi m□ m□t t□ báo Vi□t ng□ □ h□i ngo□i r□i ph□i đ□c th□y ch□ dùng sai này trong các bài vi□t, trong các qu□ng cáo th□□ng mãi. Mu□n nói v□ tính t□t x□u c□a món đ□, ph□i dùng ch□ ph□m. B□i vì ph□m tính m□i là quality. Mình đã có s□n ch□ "ph□m ch□t" r□i t□i sao l□i b□ quên mà dùng ch□ "ch□t l□□ng". T□i sao l□i ph□i b□t ch□□c m□y anh cán ng□, cho thêm bu□n ti□ng n□□c ta.

6. "Cu□c g□p" = meet, run into = h□i ki□n, g□p m□t, g□p g□, bu□i h□p. Nghe "Cu□c g□p" th□y c□t ng□n, ch□a tr□n nghĩa. Ý h□ mu□n t□ m□t cu□c h□i ki□n tay đôi, m□t l□n g□p g□, ch□a h□n là m□t h□i ngh□ (conference). Nên dùng nh□ thí d□ này: "B□ tr□□ng Thái đã h□i ki□n g□p b□ tr□□ng Lào"...

7. "C□□i". Nhà văn Lê Minh Hà đi t□ mi□n B□c, công tác □ Đông Đ□c, r□i xin t□ n□n □ Đ□c, vi□t trong t□p truy□n ng□n "Trăng Góa": 'B□n này ch□a c□□i', 'chúng tôi c□□i' đó là thói quen t□ vùng c□ng s□n. Đây không ph□i là l□i hành văn m□i l□, ki□u cách ch□ là thói quen dùng sai t□ To marry, get married, nh□ng ng□□i Vi□t ph□i nói là: 'Chúng tôi ch□a làm đám c□□i; b□n này c□□i nhau. Câu này l□i do m□t vai n□ t□ thu□t, l□i càng sai n□ng n□a. Chúng ta ch□ nói "c□□i v□", không bao gi□ nói "c□□i ch□ng" c□. Ch□ có hai tr□□ng h□p dùng đ□□c hai ch□ "c□□i ch□ng". M□t là cô gái có l□i l□m nào đó, nhà gái ph□i b□ ti□n, ch□u m□i chi phí đám c□□i đ□ l□y cho đ□□c m□t t□m ch□ng. Hai là nh□ng đ□ng bào thi□u s□, s□c dân nào còn theo ch□ đ□ m□u h□, cô gái c□□i ch□ng, vì chàng r□ s□ thu□c v□ nhà gái. Nhà gái ph□i tr□ cho nhà trai trâu, l□n, gà, chiêng đ□ng, v.v. đ□ mua r□.

8. " Đ□i trà" = on a large scale = c□ l□n, quy mô l□n. Thí d□: "đ□ng bào tr□ng cây cà phê đ□i trà". T□i sao không dùng nh□ tr□□c là "quy mô l□n"? Ngoài ra dùng "đ□i trà" là b□t ch□□c Trung Qu□c. Có th□ gây hi□u l□m là "cây trà l□n"!!

9. " Đăng ký" = register = ghi tên, ghi danh. Nghĩa r□t đ□n gi□n, nh□ng b□t ch□□c Trung Qu□c, c□ dùng Hán-Vi□t. Câu nói sau đây nghe k□ l□: 'Tôi đã đăng ký mua khoai mì □ Ph□□ng...'. T□i sao không dùng "ghi danh", "ghi tên"? " Đăng ký" là m□t ch□ mà ng□□i C□ng S□n mi□n B□c dùng vì tinh th□n nô l□ ng□□i T□u c□a ho đ□n khi toàn chi□m lãnh th□, h□ đã làm cho ch□ này tr□ nên ph□ thông □ kh□p n□□c. Tr□□c đây, ta đã có ch□ "ghi tên" (và "ghi danh") đ□ ch□ cùng m□t nghĩa. Ng□□i T□u dùng ch□ "đăng ký" đ□ d□ch ch□ 'register' t□ ti□ng Anh. Ta hãy dùng ch□ "ghi tên" hay "ghi danh" cho câu nói tr□ nên sáng s□a, rõ nghĩa. Dùng làm chi cái ch□ Hán Vi□t kia đ□ cho có ý nô l□ ng□□i T□u!

10. " Đ□u ra, đ□u vào" = output, input = cái đ□a ra, cái đ□a vào, dòng đi□n cho vào máy; d□ ki□n đ□a vào máy vi tính. H□ còn dùng có nghĩa là v□n, ho□c thì gi□, công s□c b□ vào và k□t qu□ c□a cu□c đ□u t□ đó. Nh□ng dùng "đ□u ra, đ□u vào" nghe thô t□c (gi□ng nh□ t□ b□ ph□n = m□t ph□n vi□c, m□t nhóm, t□, đã b□ nhà văn n□ Kathy Tr□n đ□p chát, h□i: "B□ ph□n gì?" b□ ph□n c□a đàn ông, đàn bà □). Có th□ dùng "v□n đ□u t□" và "k□t qu□ s□n l□□ng".

11. "Gi□i phóng" = liberate, emancipate/ free, relieve, release = gi□i t□a, x□ ,th□, tr□ t□ do T□ gi□i phóng ch□ nên dùng cho con ng□□i, không dùng cho loài v□t, đ□t, v□□n... H□ l□m d□ng t□ gi□i phóng, nghe không thu□n tai và sai nghĩa. Thí d□: ' Đã gi□i phóng (gi□i t□a) xong m□t b□ng đ□ xây d□ng nhà máy; Anh công an l□u thông tích c□c công tác đ□ gi□i phóng (gi□i t□a) xe c□; Em X gi□i phóng (th□) con chó !! Nh□ng câu sau đây m□i là dùng đúng cách: 'phong trào gi□i phóng ph□ n□; Công cu□c gi□i phóng nô l□.'

12. "Hi□n th□" 'Ch□ c□n □n nút thì m□i nhu c□u s□ đ□□c hi□n th□ trên máy tính...' (appear on screen). T□i sao không nói "s□ th□y hi□n rõ trên máy".

13. "Hùng hi□m" ' Đ□a th□ n□i đó r□t hùng hi□m...' hùng vĩ = hi□m tr□ (majestic greatness + dangerous).

14. "Kh□ năng": Ch□ này t□□ng đ□□ng v□i ch□ ability trong ti□ng Anh, và ch□ đ□□c dùng cho ng□□i, t□c là v□i ch□ t□ có th□ t□ gây ra hành đ□ng đ□ng theo ch□ ý. Tuy nhiên hi□n nay □ Vi□t nam ng□□i ta dùng ch□ "kh□ năng" trong b□t k□ tr□□ng h□p nào, t□o nên nh□ng câu nói r□t k□ c□c. Ví d□ thay vì nói là 'tr□i hôm nay có th□ m□a, thì ng□□i ta l□i nói: 'tr□i hôm nay có kh□ năng m□a, nghe v□a n□ng n□, v□a sai. "Có kh□ năng": Đây là cách s□ d□ng r□t Tây, thí d□: 'Hôm nay th□i ti□t có kh□ năng m□a, chúng ta t□m ch□p nh□n (sao không nói gi□n d□ là: "Hôm nay tr□i có

th□ m□a" ?). Thí d□ này khó ch□p nh□n: 'H□c sinh X có kh□ năng không đ□t đi□m t□t nghi□p'. Có kh□ năng là ability; aptitude; capacity và luôn luôn dùng □ tr□ng thái tích c□c (positive), không bao gi□ dùng v□i tr□ng thái tiêu c□c (negative). Nh□ng câu sau đây nghe r□t ch□□ng: 'B□nh nhân có kh□ năng b□ hôn mê'. 'Đ□ch có kh□ năng b□ tiêu di□t..' v.v...

15. "Kh□ thi" = fisible, applicable; ability to carry out = có th□ th□c hi□n đ□□c, có th□ thi hành đ□□c. "Kh□ thi" và "b□t kh□ thi" cũng ch□u □nh h□□ng n□ng c□a Trung Qu□c. Sao không dùng: "không th□c hi□n đ□□c" hay "không th□c hi□n n□i". Ngoài ra "kh□ thi" s□ đ□a đ□n s□ hi□u l□m là "có th□ d□ thi đ□□c".

16. "Kh□n tr□□ng": Tr□□c năm 1975 chúng ta đã c□□i nh□ng ng□□i lính c□ng s□n, khi h□ dùng ch□ này thay th□ ch□ 'nhanh chóng'. Nh□ng than ôi, ngày nay v□n còn nh□ng ng□□i □ Vi□t Nam (và c□ m□t s□ ng□□i sang M□ sau này) v□n vô tình làm thoái hóa ti□ng Vi□t b□ng cách b□ ch□ 'nhanh chóng' đ□ dùng ch□ 'kh□n tr□□ng'. Đáng l□ ph□i nói là: 'Làm nhanh lên' thì ng□□i ta nói là: 'làm kh□n tr□□ng lên'.

17. "Kh□ng đ□nh". Thói quen dùng đ□ng t□ này b□ l□m d□ng: 'Di□n viên X đã kh□ng đ□nh đ□□c tài năng. Đ□ng chí A kh□ng đ□nh □ v□ trí giám đ□c'. Kh□ng đ□nh; xác đ□nh, xác nh□n = affirm và confirm có nghĩa g□n gi□ng nhau, ngoài nghĩa theo lu□t pháp có nghĩa là phê chu□n, chu□n y. Tuy nhiên âm thanh c□a kh□ng đ□nh nghe n□ng n□.

18. "Kích c□u" = to level the bridge/ needing to sitimulate = nhu c□u đ□ kích thích/ nâng cao cái c□u lên. C□ hai nghĩa đ□u hàm ý là ch□t xúc tác, kích thích t□ khi□n s□ vi□c ti□n nhanh h□n. Cách dùng h□i l□: Bên công chánh có l□i dùng nh□ng con đ□i đ□ nâng cao cái c□u giao thông lên. T□i sao không dùng "kích thích t□", "ch□t xúc tác" nh□ tr□□c?

19. "Làm rõ" 'Công an Ph□□ng 16 đang làm rõ v□ vi□c này. Làm rõ=clarify, c□n làm rõ vì có s□ mù m□, ch□a minh b□ch, ngoài còn có nghĩa g□n nh□ nói l□i cho rõ, đính chính. Đúng nghĩa ph□i là đi□u tra = investigate. Cách s□ d□ng t□ làm rõ cũng gi□ng nh□ làm vi□c (v□i công an) ch□ nh□m xóa b□t s□ ghê s□, hãi hùng c□a ng□□i dân khi ph□i ti□p xúc v□i công an c□ng s□n. H□ c□ tránh nh□ng đ□ng t□ nh□ "đi□u tra", "khai báo", "trình di□n" v.v...

20. "Liên h□": Cũng t□ mi□n B□c, ch□ này lan kh□p n□□c và nay cũng tràn ra h□i ngo□i Liên h□ là có chung v□i nhau m□t ngu□n g□c, m□t đ□c tính. Ng□□i c□ng s□n Vi□t Nam dùng ch□ liên h□

đ□ t□ ý nói chuy□n, đàm tho□i. T□i sao không dùng ch□ Vi□t là 'nói chuy□n' cho đúng và gi□n d□. Ch□ liên "h□ d□ch" sang ti□ng Anh là 'to relate to", ch□ không ph□i là 'to communicate to".

21. "Ngài": 'B□ tr□□ng ngo□i giao ta đã g□p Ngài Brown th□ tr□□ng thành ph□ San Francisco . Ngài là Sir, m□t t□□c v□ c□a Hoàng gia n□□c Anh ban cho m□t nhân v□t nào đó. Sir có th□ d□ch ra là Hi□p sĩ, cũng có th□ là Knight = H□u t□□c xu□ng đ□n tòng Nam t□□c = Baronet. Theo nghĩa th□ nhì "ngài" là m□t t□ dùng đ□ x□ng hô và là m□t t□ tôn x□ng nh□ c□, ông bà, bác, chú. Trong c□ hai tr□□ng h□p câu trên đ□u sai. Ông W. Brown ch□a bao gi□ đ□□c N□ hoàng Anh trao t□ng t□□c hi□u Sir. Theo l□i x□ng hô chính th□c ngo□i giao c□a M□ và theo l□i Vi□t Nam , không nên g□i ông W. Brown là Ngài vi□t hoa. Theo l□i x□ng hô chính th□c c□a M□, trên văn th□ ph□i là:
The Honorable ..W. Brown
Mayor of San Francisco
Hình th□c chào h□i:
Sir: Dear Mayor Brown
Nh□ th□ g□i m□t ông th□ tr□□ng M□ là Ngài đã hoàn toàn sai.
Qua sách báo t□ sau 1954, mi□n B□c dùng sai và l□m d□ng t□ Ngài.
Cách dùng th□ nh□t đ□ tôn x□ng quá đáng gi□i ch□c ngo□i qu□c, th□ nhì là đ□ ch□ di□u, khôi hài các nhân v□t trong kh□i t□ do dân ch□, và □ mi□n Nam, thí d□: Ngài đ□i úy, ngài thi□u tá ngay c□ có d□o h□ đã g□i Thi□u t□□ng Nguy□n Cao K□ là Nguyên soái! T□ sau 1954, trong mi□n Nam g□n nh□ không bao gi□ chúng ta th□y xu□t hi□n t□ Ngài! Ch□ đ□ c□ng s□n t□ nh□n là vô s□n, đánh phong ki□n, di□t quan l□i, nh□ng nay h□ l□i quan l□i, phong ki□n h□n ai h□t. Ch□ng c□ qua t□ tôn x□ng Ngài và h□ còn t□ nh□n và g□i các cán b□ và nhân v□t quan tr□ng ngo□i qu□c là Quan ch□c. Quan ch□c = officials, có th□ d□ch là "viên ch□c", hay "gi□i ch□c ngo□i giao", "nhân viên chính ph□", "phái đoàn ngo□i giao", v.v...

22. "Ngh□ nhân": Ta v□n g□i nh□ng ng□□i này là 'ngh□ sĩ'. M□c dù đây cũng là ti□ng Hán Vi□t, nh□ng ng□□i T□u không có ch□ "ngh□ sĩ", h□ dùng ch□ "ngh□ nhân". Có nh□ng ng□□i t□□ng r□ng ch□ 'ngh□ nhân' cao h□n ch□ 'ngh□ sĩ, h□ đâu bi□t r□ng nghĩa cũng nh□ v□y, mà s□ dĩ ng□□i c□ng s□n Vi□t Nam dùng ch□ 'ngh□ nhân' là vì tinh th□n nô l□ Trung Hoa.

23. "Qu□n lý" = management = qu□n tr□, ch□u trách nhi□m. B□t ch□□c t□ Trung Qu□c và b□ l□m d□ng. Nói: 'Anh X qu□n lý m□t xí nghi□p' thì đ□□c, nh□ng câu sau 'nhái l□i khôi hài 'Anh s□ xây d□ng v□i đ□ng chí gái, và đ□ng chí gái s□ qu□n lý đ□i anh...'. "Qu□n lý" ch□ dùng đ□ trong lĩnh v□c kinh doanh, th□□ng m□i, hành chánh. "Qu□n lý" không dùng cho lĩnh v□c tình c□m đ□□c, tình c□m không ph□i là m□t lô hàng, không ph□i là m□t xí nghi□p.

24. "S□ h□u". 'M□i quan h□ Vi□t-M□ ch□ là s□ h□u. S□ h□u + b□n m□i quen, m□i làm b□n (new friendship). T□i sao không nói: 'M□i quan h□ Vi□t-M□ ch□ là b□n m□i quen'...?

25. "S□ c□": "S□ c□ k□ thu□t": t□i sao không dùng ch□ v□a gi□n d□ v□a ph□ thông tr□□c đây nh□ 'tr□ ng□i hay 'tr□ ng□i k□ thu□t' hay gi□n d□ h□n là ch□ 'h□ng'? (Nói 'xe tôi b□ h□ng' rõ ràng mà gi□n d□ h□n là nói 'xe tôi có s□ cô).

26. "Tai t□ n□n". 'Tai t□ n□n x□y ra khá nhi□u trên đo□n đ□□ng này, tai n□n + t□ n□n xã h□i (accident + social crime/evil). Cách ghép n□i k□ l□

27. "Thành viên" = member = theo cách nói và vi□t thông th□□ng là m□t ng□□i trong m□t t□ ch□c, h□i đoàn, nhóm nào đó. Không th□ dùng "thành viên" cho m□t cá nhân trong gia đình đ□□c. Thí d□ sau đây nghe r□t Tây: 'Các thành viên trong h□ đó có cha, m□ và hai con/ Bé Năm là m□t thành viên trong gia đình....' T□i sao không nói: 'Trong gia đình đó có cha, m□ và hai con/ Bé Năm là m□t đ□a con trong gia đình...'. Thí d□ sau đây m□i là dùng đúng: 'M□ là thành viên trong H□i đ□ng B□o An Liên Hi□p Qu□c có quy□n ph□ quy□t ..'

28. "Tham quan": đi thăm, đi xem thì nói là đi thăm, đi xem cho r□i t□i sao l□i ph□i dùng cái ch□ này c□a ng□□i T□u! Sao không nói là 'Tôi đi Nha Trang ch□i, 'tôi đi thăm lăng Minh M□ng', mà l□i ph□i nói là 'tôi đi tham quan Nha Trang', 'tôi đi tham quan lăng Minh M□ng'.

29. "Tháng m□t; tháng m□□i hai". Hi□n nay □ Vi□t Nam trong tr□□ng h□c h□ không d□y h□c sinh "tháng giêng" và "tháng ch□p" n□a. Tháng giêng và tháng ch□p là cách g□i r□t Vi□t Nam . L□ch in □ Vi□t Nam ghi tháng m□t là tháng giêng c□. T□ x□a đ□n nay chúng ta v□n g□i tháng đ□u năm âm l□ch là "tháng giêng", tháng th□ 11 là "tháng (m□□i) m□t" và tháng cu□i năm là "tháng ch□p". G□i là tháng ch□p là do tháng cu□i năm âm l□ch có nhi□u l□, trong đó có l□ ch□p. Ca dao đã có câu:
"Tháng ch□p là ti□t tr□ng khoai
Tháng giêng tr□ng đ□u tháng hai tr□ng cà"
Tháng th□ 11 âm l□ch g□i là "tháng m□t" d□ l□m l□n v□i tháng giêng, nên đã t□m b□. Nh□ng g□i tháng January d□□ng l□ch là "tháng m□t" nghe không □n, ph□i g□i là tháng giêng. Còn tháng December g□i là tháng m□□i hai, không có v□n đ□. Nh□ng h□ có d□y cho h□c sinh ti□u h□c hi□u r□ng mu□n ch□ tháng th□ 12 trong năm âm l□ch b□t bu□c ph□i g□i là tháng ch□p không?

30. "Th□ng nh□t". 'Tôi đã xu□ng huy□n th□ng nh□t đ□ng chí X .' Câu này m□c hai l□i. Th□ nh□t thi□u t□ liên t□ v□i, th□ nhì là th□ng nh□t đi□u gì, chuy□n gì. Th□ng nh□t (unify; unified). Tr□□ng h□p này ph□i nói là "đ□ng ý" v□i; "nh□t trí" v□i.

31. "Th□ nh□t, th□ nhì". T□ x□a theo cách đ□m s□, chúng ta có con s□ th□□ng (cardinal number) nh□ 1.2.3.4 và s□ th□ t□ (ordinal number) th□ nh□t, th□ nhì. Hi□n nay h□ d□□ng nh□ không □a dùng s□ th□ t□ và g□i th□ nhì là th□ hai. Ch□ second; deuxième là "th□ hai" d□ l□m l□n v□i "th□ hai" = Monday. Trên sách báo ch□ th□y vi□t: m□t là; hai là. Nh□ th□ ch□ riêng n□□c Vi□t Nam không c□n đ□n s□ th□ t□ (ordinal number) n□a sao ?

32. "T□□ng thích". Giá c□ đó t□□ng thích v□i ch□t l□□ng m□t hàng...' t□□ng đ□□ng = thích h□p (equal = appropriated). Cách ghép n□i g□□ng gao.
33. "Tranh th□": Thay vì dùng m□t ch□ v□a rõ ràng v□a gi□n d□ là ch□ 'c□ g□ng', t□ cái t□ sính dùng ch□ Hán Vi□t c□a ng□□i c□ng s□n, ng□□i ta l□i dùng m□t ch□ v□a n□ng n□ v□a t□i nghĩa là ch□ 'tranh th□'. Thay vì nói: 'anh hãy c□ làm cho xong vi□c này tr□□c khi v□, thì ng□□i ta l□i nói: 'anh hãy tranh th□ làm cho xong vi□c này tr□□c khi v□.

34. "Trao đ□i" = exchange = theo nghĩa c□a h□ là nói chuy□n, đ□i tho□i, h□i tho□i. Cách dùng ch□u □nh h□□ng n□ng Tây ph□□ng. Trao đ□i theo đúng nghĩa là đ□i chác 'ông đ□a cái giò, bà thò chai r□□u. H□ ch□u □nh h□□ng Tây ph□□ng quá n□ng, vì trao đ□i ch□ áp d□ng cho hàng hóa (giao th□□ng) hay con ng□□i. Thí d□: 'Hai n□□c trao đ□i lãnh s□, trao buôn bán, m□u d□ch'. Ki□u và Kim Tr□ng đã trao đ□i quà t□ng tình yêu cho nhau. Không bao gi□ trao đ□i l□i có nghĩa là nói chuy□n, đ□i tho□i. Thí d□ sau đây cho th□y cách dùng sai l□c: 'Anh Phillippe Jamet đang trao đ□i v□i m□t bé gái Vi□t Nam ...'. Trao đ□i gì? Quà t□ng gì? Trao đ□i không bao gi□ có nghĩa là converse, talk to, ch□ là exchange thôi.

35. "Tr□ng th□": Coi tr□ng (show consideration for/ attach important to) trong t□ đi□n ghi là m□t t□ cũ, không hi□u sao l□i đ□□c dùng tr□ l□i. Thí d□: "Chúng ta ph□i tr□ng th□ y□u t□ đó". C□ nôm na nói: 'Chúng ta ph□i coi tr□ng y□u t□ đó là đ□ và gi□n d□ r□i.

36. "Trúng th□□ng" = reward, award. Th□ nào g□i là th□□ng? Th□□ng là th□□ng cho nh□ng cá nhân hay t□p th□ có công, tài gi□i, đ□t thành tích cao .. Th□□ng đi đôi v□i ph□t. V□y không th□ nói : 'Mua hàng s□ đ□□c trúng th□□ng.../ Anh X trúng th□□ng x□ s□ thành ph□ X. đ□□c 50 tri□u ' Đó ch□ là quà t□ng, bi□u không, không ph□i là th□□ng, và ch□ là trúng x□ s□ ch□ không lĩnh th□□ng. X□ s□ là hình th□c đánh b□c, nên g□i tránh đi là trúng th□□ng (Th□t là mâu thu□n, trong khi đó h□ b□ ti□n ra mua máy đánh b□c đ□t trong các khách s□n l□n!!)

37. "Trúng tuy□n" (nghĩa v□ quân s□) = select, choose/ recruit. Chúng ta v□n nói và vi□t "tuy□n

sinh", "tuy□n quân", "tuy□n m□", "tuy□n d□ng"... Nh□ng nói : "trúng tuy□n nghĩa v□" th□t là khôi hài. Nghĩa v□ quân s□ là thi hành quân d□ch, đ□n tu□i ph□i đi, b□t bu□c ph□i đi, không có chuy□n trúng tuy□n hay không đ□□c tuy□n (nên dùng theo nghĩa x□u ch□ có dân nghèo, không có ti□n đút lót và không ph□i là con cán b□ cao c□p, m□i b□ trúng tuy□n).

38. "T□ li□u": Tr□□c đây ta v□n dùng ch□ "tài li□u", r□i đ□ làm cho khác mi□n Nam , ng□□i mi□n B□c dùng ch□ 't□ li□u trong ý: 'tài li□u riêng c□a ng□□i vi□t'. Bây gi□ nh□ng ng□□i vi□t □ h□i ngo□i cũng □a dùng ch□ này mà b□ ch□ 'tài li□u', m□c dù nhi□u khi tài li□u s□ d□ng l□i là tài li□u đ□c trong th□ vi□n ch□ ch□ng ph□i là tài li□u riêng c□a ông ta.

39. "V□ trí" = place/ position/ job, task = ch□ đ□ng, v□ th□ / n□i ch□n/ vi□c làm, trách v□. Nh□ng h□ dùng "v□ trí" cho luôn c□ nghĩa là "trách v□", "vi□c làm". Câu nói sau đây là sai: 'Anh A đã thay anh B công tác □ v□ trí k□ toán tr□□ng'. Nên nói: 'Anh A đã thay anh B công tác □ trách v□ k□ toán tr□□ng' m□i đúng. Th□□ng th□□ng chúng ta hay dùng: 'Ti□u đ□i A đã chi□m đ□□c m□t v□ trí trên cao, t□ đó có th□ ngăn ch□n đ□□c trung đ□i đ□ch ti□n lên đ□i.

40. "Vùng sâu xa": Vùng r□ng núi, đ□m l□y (highland = swamp area). Đây là cách s□ d□ng ch□ tr□n tránh th□c t□. Vùng □ trong sâu hi□u là vùng h□o lánh, sình l□y và vùng xa t□c là vùng trên cao, □ xa. Đây là cách dùng m□ dân, cũng nh□ đ□ d□ b□ đ□y giáo viên, k□ s□, bác sĩ không phe đ□ng, không là con cháu cán b□ đ□n ph□c v□ n□i kh□ ho còi gáy. Ngoài ra "sâu xa" còn gây hi□u l□m v□i 'lòng c□m □n, bi□t □n sâu xa" đã quen dùng tr□□c đây.

41. "Xu□t kh□u", "C□a kh□u": Ng□□i T□u dùng ch□ kh□u, ng□□i Vi□t dùng ch□ c□ng. Cho nên ta nói "xu□t c□ng", "nh□p c□ng", ch□ không ph□i nh□ c□ng s□n nh□m m□t theo T□u g□i là "xu□t kh□u", "nh□p kh□u". B□i vì ta v□n th□□ng nói phi tr□□ng Tân S□n Nh□t, phi c□ng Tân S□n Nh□t, h□i c□ng H□i Phòng, giang c□ng Saigon, th□□ng c□ng Saigon. Ch□ không ai nói phi kh□u Tân S□n Nh□t, h□i kh□u H□i Phòng, th□□ng kh□u Saigon trong ti□ng Vi□t. Khi vi□t tin liên quan đ□n Vi□t Nam, ta đ□c b□n tin c□a h□ đ□ l□y d□ ki□n, r□i khi vi□t l□i b□n tin đăng báo hay đ□c trên đài phát thanh t□i sao không chuy□n ch□ (x□u) c□a h□ sang ch□ (t□t) c□a mình, mà l□i c□ copy y boong?

42. Còn hai t□ n□a b□ ng□□i dân mi□n B□c l□m d□ng vì lây cách dùng c□a cán b□ là "b□n thân" và "ch□ y□u": "B□n thân" = self, oneself, và "ch□ y□u" = main, principal. Qua nh□ng câu chuy□n th□□ng ngày, chúng ta nghe h□ dùng hai t□ này b□a bãi, sai l□ch: 'Th□c ăn ch□ y□u c□a đ□ng bào vùng này là ngô và khoai; Chúng tôi l□y g□o làm ch□ y□u đ□ qui thành giá tr□ trao đ□i. Và: 'B□n thân tôi cũng không tránh kh□i dao đ□ng. B□n thân s□ ki□n đó còn nhi□u t□n t□i". Ng□□i ta

đã b□ quên t□ "t□ và chính" đ□□c dùng t□ x□a đ□n nay, thí d□: Th□c ăn chính c□a đ□ng bào. Chính tôi cũng không tránh kh□i dao đ□ng; T□ thân s□ ki□n đó. Hi□n nay đang có phong trào ghép ch□ b□a bãi gi□a hai t□ Hán-Vi□t + Hán-Vi□t ho□c Hán-Vi□t + Nôm. Thí d□: "đ□ng thái", "th□ tr□ng", "siêu sao", "siêu tr□□ng". Đ□ng thái là hành đ□ng + thái đ□ (action + attitude); th□ tr□ng là tình tr□ng thân th□ (physical form sitituation); siêu sao = super-star; siêu tr□□ng = super-long. nghe l□ tai. Đã đành là ngôn ng□ ch□ng qua ch□ là nh□ng □□c hi□u con ng□□i s□ d□ng đ□ hi□u nhau, thông c□m nhau. Tuy nhiên nh□ng □□c hi□u đó không đ□□c khó hi□u, bí hi□m, khó nghe, chói tai, k□ la.

43. Nh□ng danh t□ k□ thu□t m□i: Th□i đ□i c□a đi□n t□, c□a computer t□o ra nhi□u danh t□ k□ thu□t m□i, hay mang ý nghĩa m□i. Nh□ng danh t□ này theo s□ ph□ bi□n r□ng rãi c□a k□ thu□t đã tr□ nên thông d□ng trong ngôn ng□ hàng ngày. H□u h□t nh□ng ch□ này có g□c t□ ti□ng Anh, b□i vì Hoa K□ là n□□c đi tr□□c các n□□c khác v□ k□ thu□t. Các ngôn ng□ có nh□ng ch□ cùng g□c (ti□ng Đ□c, ti□ng Pháp) thì vi□c chuy□n d□ch tr□ nên t□ nhiên và rõ ràng, nh□ng ngôn ng□ không cùng g□c, thì ng□□i ta đ□a ph□□ng hóa nh□ng ch□ □y mà dùng. Riêng Vi□t Nam thì làm chuy□n k□ c□c là d□ch nh□ng ch□ □y ra ti□ng Vi□t (hay m□□n nh□ng ch□ d□ch c□a ng□□i T□u), t□o nên m□t m□ ch□ ngây ngô, ng□□i Vi□t đ□c cũng không th□ hi□u nghĩa nh□ng ch□ □y là gì, mà n□u h□c cho hi□u nghĩa thì khi g□p nh□ng ch□ □y trong ti□ng Anh thì v□n không hi□u. Ta hãy nh□ r□ng, ngay c□ nh□ng ng□□i M□ không chuyên môn v□ đi□n toán, h□ cũng không hi□u đích xác nghĩa c□a nh□ng danh t□ này, nh□ng h□ v□n c□ ch□ bi□t là ch□ □y dùng đ□ ch□ các v□t, các k□ thu□t □y, và h□ dùng m□t cách t□ nhiên thôi. V□y t□i sao ta không Vi□t hóa các ch□ □y mà ph□i m□t công d□ch ra cho k□ c□c, cho t□i nghĩa. Ông cha ta đã t□ng Vi□t hóa bi□t bao nhiêu ch□ t□□ng t□, khi ti□p xúc v□i k□ thu□t ph□□ng tây c□ mà. Ví d□ nh□ ta Vi□t hóa ch□ 'pomp' thành 'b□m' (b□m xe, b□m n□□c), ch□ 'soup' thành 'xúp', ch□ 'pharé thành 'đèn phá, ch□ 'cycló thành 'xe xích l□, ch□ 'manggis' (ti□ng Mã Lai) thành 'qu□ măng c□t', ch□ 'durian' thành 'qu□ s□u riêng', ch□ 'bougié thành 'bu-gi, ch□ 'manchon' thành 'đèn măng xông', ch□ 'boulon' thành 'bù-long', ch□ 'garé thành 'nhà gá, ch□ 'savon' thành 'xà-bông'?

Bây gi□ đ□c báo, th□y nh□ng ch□ d□ch m□i, thì dù đó là ti□ng Vi□t, ng□□i đ□c cũng v□n không hi□u nh□ th□□ng. Hãy duy□t qua m□t vài danh t□ k□ thu□t b□ ép d□ch qua ti□ng Vi□t Nam , nh□:

a Scanner d□ch thành 'máy quét'. Tr□i □i! 'máy quét' đây, th□ còn máy lau, máy r□a đâu! M□i nghe c□ t□□ng là máy quét nhà!

b. Data Communication d□ch là 'truy□n d□ li□u'

c. Digital camera d□ch là 'máy □nh k□ thu□t s□'

d. Database d□ch là 'c□ s□ d□ li□u. Nh□ng ng□□i Vi□t đã không bi□t database là gì thì càng không bi□t 'c□ s□ d□ li□u là gì luôn.

e Software d□ch là 'ph□n m□m', hardware d□ch là 'ph□n c□ng' m□i nghe c□ t□□ng nói v□ đàn ông, đàn bà. Ch□ 'hard' trong ti□ng M□ không luôn luôn có nghĩa là 'kho, hay 'c□ng', mà còn là 'v□ng ch□c' ví d□ nh□ trong ch□ 'hard evident' (b□ng ch□ng xác đáng). Ch□ soft trong ch□ 'soft benefit' (quy□n l□i ph□ thu□c) ch□ng l□ h□ l□i d□ch là 'quy□n l□i m□m' sao ?

f. Network d□ch là 'm□ng m□ch'.

g. Cache memory d□ch là 'truy c□p nhanh'.

h. Computer monitor d□ch là 'màn hình' hay 'đi□u ph□i.

i VCR d□ch là 'đ□u máy. (Nh□ v□y thì đuôi máy đâu ? Nh□ v□y nh□ng th□ máy khác không có đ□u □). Sao không g□i là VCR nh□ mình th□□ng g□i TV (hay Ti-Vi). N□u th□ thì DVD, DVR thì h□ d□ch là cái gì?

j. Radio d□ch là 'cái đài'. Tr□□c đây mình đã Vi□t hóa ch□ này thành ra-đi-ô hay rađô, h□□c d□ch là 'máy thu thanh'. Nay g□i là 'cái đài' v□a sai, v□a k□ c□c. Đài ph□i là m□t cái tháp cao, trên m□t n□n cao (ví d□ đài phát thanh), ch□ không ph□i là cái v□t nh□ ta có th□ mang đi kh□p n□i đ□□c.

k. Chanel g□i là 'kênh'. Tr□□c đây đ□ d□ch ch□ TV chanel, ta đã dùng ch□ đài, nh□ đài s□ 5, đài truy□n hình Vi□t Nam, g□i là kênh nghe nh□ đang nói v□ m□t con sông đào nào đó □ vùng H□u Giang!

Ngoài ra, đ□i v□i chúng ta, Saigon luôn luôn là Saigon, h□n n□a ng□□i dân trong n□□c v□n g□i đó là Saigon . Các xe đò v□n ghi bên hông là 'Saigon - Nha Trang', 'Saigon - C□n Th□ trên cu□ng vé máy bay Hàng Không Vi□t Nam ng□□i ta v□n dùng 3 ch□ SGN đ□ ch□ thành ph□ Saigon. V□y khi làm tin đăng báo, t□i sao ng□□i Vi□t □ h□i ngo□i c□ dùng tên c□a m□t ... đ□ g□i thành ph□ thân yêu c□a chúng mình?! Đi v□ Vi□t Nam tìm đ□ m□t không th□y ai không g□i Saigon là Saigon, v□y mà ch□ c□n đ□c các b□n tin, các truy□n ng□n vi□t □ Hoa K□ ta th□y tên Saigon không đ□□c dùng n□a T□i sao ?

Đây ch□ là m□t vài ví d□ đ□ nói ch□i thôi, ch□ c□ theo cái đà này thì ch□ng m□y ch□c mà ng□□i Vi□t nói ti□ng T□u luôn m□t! T□t nhiên, vì đ□ng c□ng s□n đ□c quy□n t□t c□ m□i sinh ho□t □ Vi□t nam, nên ta khó có □nh h□□ng vào ti□ng Vi□t đang dùng trong n□□c, nh□ng t□i sao các nhà truy□n thông h□i ngo□i l□i c□ nh□m m□t dùng theo nh□ng ch□ k□ c□c nh□ th□! Cái khôi hài nh□t là nhi□u v□ trong gi□i này v□n th□□ng nh□n mình là giáo s□ (th□□ng ch□ là giáo s□ trung h□c đ□ nh□t c□p (ch□a đ□ c□ nhân) hay đ□ nh□ c□p □ Vi□t Nam ngày tr□□c, ch□ ch□ng có b□ng Ph.D. nào c□), hay là các ng□□i gi□ ch□c này ch□c n□ trong các h□i đoàn t□ cho là có trách nhi□m v□ văn hóa Vi□t Nam □ ngoài n□□c!

Tr□□c đây Ph□m Qu□nh t□ng nói: 'Truy□n Ki□u còn thì ti□ng ta còn, ti□ng ta còn thì n□□c ta còn', bây gi□ Truy□n Ki□u v□n còn mà c□ ti□ng ta l□n n□□c ta l□i đang đi d□n xu□ng h□ sâu B□c Thu□c. Than ôi!